

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử Phc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:
Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 N 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự Phc thẩm thụ lý số 36/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 N 2021 đối với bị cáo Ninh Thị B & Đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2021/HS-ST ngày 22-01-2021 của Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

1. Các bị cáo có kháng cáo:

- Họ và tên: **Ninh Thị B**, S N: 1984. Trú tại: TDP P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Ninh Văn T5, S N: 1954; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T6, S N: 1955; Chồng: Phạm Văn Th, S N: 1979; Có 4 con, con lớn nhất S N 2002, con nhỏ nhất S N 2015. Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 09/12/2016 bị TAND tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt T sản”.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/3/2020 đến nay. (có mặt)

- Họ và tên: **Nguyễn Thị T** (Nguyễn Thị Tiếp) S N: 1955; trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 4/10; Bố đẻ: Nguyễn Duy Ninh (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N5, S N: 1923; Chồng: Ninh Văn T5, S N: 1954; Có 6 con, con lớn nhất S N 1976, con nhỏ nhất S N 2000. Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 09/12/2016 bị TAND tỉnh Nam Định xử phạt 33 tháng tù nhưng cho H án treo, thời gian thử thách 5 N về tội “Cưỡng đoạt T sản”.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/3/2020 đến nay. (có mặt)

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Xuân Nga - Công ty Luật hợp danh Đông Nam Á, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

Địa chỉ: Số 76 Cù Chh Lan, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Bị hại có kháng cáo:

Chị Phạm Thị Ph, S N 1971.(có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện TrT, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bị hại:

- Ông Hoàng Văn H3 (vắng mặt), Ông Hoàng Văn D, Bà Vũ V A- Luật sư, Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.(có mặt)

Địa chỉ: Phòng 202, nhà N3B, đường L, phường N, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Ông Trần Văn L2 - Luật sư văn phòng LS số 1 - Chi nhánh Tuyên Quang thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phc.(có mặt)

3. Người làm chứng:

- Anh Phạm Văn Th. S N 1979 (vắng mặt);

- Anh Ninh Văn T. S N 1980 (vắng mặt);

Cùng trú tại: Tổ dân P, thị trấn C, huyện TT, tỉnh Nam Định.

- Anh Ninh Văn H. S N 1994 (vắng mặt);

- Anh Ninh Văn H1. S N 1970 (vắng mặt);

Cùng trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Vũ Văn Ch. S N 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Đỗ Văn L. S N 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Vũ Văn T2. S N 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố B 2, thị trấn C huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Bùi Đức Ph. S N 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Công an huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định.

- Ông Nguyễn Ngọc Đ. S N 1952 (vắng mặt);

- Anh Trần Văn Đ1. S N 1985 (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Văn Th1. S N 1967 (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Ch1. S N 1953 (vắng mặt);

- Ông Phạm Quang Th1. S N 1958 (có mặt);

- Chị Ninh Thị V. S N 1969 (vắng mặt);

- Chị Phạm Thị Ng. S N 1982 (vắng mặt);

- Chị Ninh Thị H1. S N 1990 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.
- Anh Lưu Văn Nua. S N 1971 (có mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.
- Bà Nguyễn Thị S. S N 1963 (vắng mặt);
- Anh Ninh Đình Tr. S N 1976 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.
- Ông Lưu Bá Q. S N 1951 (vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.
- Ông Ngô Bá V1 (vắng mặt);
Địa chỉ: Đội 13, xã T, huyện T

Tại phiên tòa các bị cáo, bị hại. Luật sư bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho bị hại là ông Hoàng Văn D, Bà Vũ V Anh có mặt. Luật sư Hoàng Văn H vắng mặt, Người làm chứng ông Phạm Quang Th1, anh Lưu Văn N có mặt; những người khác vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc vay nợ giữa Ninh Thị B và chị Phạm Thị Ph, chị Trần Thị Ban từ tháng 7/2014, giữa gia đình B với chị Ph đã nhiều lần xảy ra xô xát cãi nhau.

Khoảng 11 giờ ngày 11/02/2015, Ninh Thị B đi đến nhà chị Ph để đòi nợ. Khi gặp chị Ph ở công, B nói với chị Ph “chị mở cửa để em vào nhà nói chuyện, không có ai mà phải sợ”, Chị Ph nói: “Tôi không nợ nần, không có gì để mà giải quyết” rồi đi sang nhà ông Lưu Bá Q hàng xóm gần nhà Ph. B đi theo và gọi điện thoại cho chồng là Phạm Văn Th và mẹ đẻ là Nguyễn Thị T đến nhà ông Q nói chuyện với chị Ph và yêu cầu chị Ph về nhà để nói chuyện nhưng chị Ph không đồng ý. Ngay sau đó Công an thị trấn Cát Thành đến yêu cầu chị Ph và gia đình B về trụ sở UBND thị trấn Cát Thành để làm việc. Đến 17 giờ cùng ngày Công an thị trấn Cát Thành yêu cầu hai bên về nhà. Do sợ bị phía gia đình B bắt giữ, chị Ph xin được ở lại trụ sở làm việc của ban Công an thị trấn Cát Thành (nằm trong khuôn viên UBND thị trấn Cát Thành). Gia đình B vẫn tiếp tục ở lại trụ sở UBND thị trấn Cát Thành và yêu cầu chị Ph phải về nhà giải quyết công nợ nhưng chị Ph không đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì B, T cùng một số người trong gia đình về nhà, còn lại T, Th, Ninh Văn H1 (chú họ của B), Ninh Văn H(là em con dì của B) ở lại trụ sở UBND thị trấn Cát Thành để canh coi không cho chị Ph bỏ đi. Lúc này ban Công an thị trấn Cát Thành thường trực tại trụ sở, có các đồng chí Vũ Văn Ch - Phó trưởng Công an thị trấn, Đỗ Văn L, Vũ Văn T2 là công an viên. Đêm ngày 11/2/2015, T, Th, H đã nhiều

lần vào trụ sở ban Công an xã lôi kéo chị Ph về nhà nhưng chị Ph không đồng ý và đã được Công an thị trấn Cát Thành ngăn cản, yêu cầu người nhà B ra ngoài.

Đến 5 giờ 30 Pht ngày 12/2/2015 T, Th, H vào ban Công an lôi kéo chị Ph ra ngoài, yêu cầu đi về nhà B để giải quyết việc vay nợ. Do mệt mỏi chị Ph miễn cưỡng phải chấp nhận. Sau đó T, Th dùng xe máy chở chị Ph về nhà B. Khi ở nhà B, B yêu cầu chị Ph phải trả cho B số tiền 600 triệu đồng. Chị Ph nói không nợ và không đồng ý trả nợ cho B. B mời ông Nguyễn Ngọc Đ và anh Trần Văn Đ1 là tổ trưởng, tổ phó Tổ dân phố Ph Thọ đến chứng kiến việc giải quyết vay nợ giữa B và chị Ph. Ông Đ không đến, anh Đ1 đến một lúc rồi ra về. Sau có ông Nguyễn Văn Th1 (là cậu ruột B), bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ B), bà Nguyễn Thị Ch1, ông Phạm Quang Th1 (là bố mẹ chồng B), bà Ninh Thị V (là dì B) và chị Phạm Thanh Ng (là em chồng B) cũng đến nhà B cùng nói chuyện với chị Ph. Mọi người yêu cầu chị Ph phải trả tiền cho B nhưng chị Ph không nhận việc vay nợ. Sau đó những người trên lần lượt ra về. Còn lại B và bà T tiếp tục nói chuyện với chị Ph về việc vay nợ và giữ chị Ph ở tại phòng khách không cho chị Ph đi về nếu chị không viết giấy nhận nợ. Chị Ph đã dùng điện thoại của mình nhắn tin cho anh Lưu Văn N (là chồng chị Ph) và nhắn tin cho ông Trần Văn Lý (là luật sư của chị Ph) thông báo việc chị bị gia đình B bắt đưa từ UBND thị trấn Cát Thành về giữ ở nhà B. Anh N đã đến Công an thị trấn Cát Thành trình báo sự việc chị Ph bị giữ tại nhà B.

Khoảng 10 giờ 30 Pht ngày 12/2/2015 nhận được tin báo của anh N, Tổ công tác của Công an huyện Trực Ninh và Công an thị trấn Cát Thành gồm: Đồng chí Bùi Đức Ph là cán bộ Công an huyện Trực Ninh phụ trách thị trấn Cát Thành cùng các đồng chí Vũ Văn Ch, Đỗ Văn L, Vũ Văn T2 là công an viên và ông Đ tổ trưởng dân phố Cát Thành đến nhà B để làm việc. Tổ công tác đã làm việc với B, T và một số người trong gia đình B có mặt khi đó; tổ công tác đã giải thích quy định của pháp luật, không cho phép gia đình B giữ chị Ph trái phép tại nhà và yêu cầu phía gia đình B để cho chị Ph về. Nhưng phía gia đình B không đồng ý. B và bà T yêu cầu chị Ph phải viết giấy nhận nợ, hẹn ngày trả mới cho chị Ph về. Tổ công tác T2 hành lập biên bản về sự việc trên. Trong lúc tổ công tác làm việc, Ninh Văn T là anh trai B đi xe máy đến. T nói với tổ công tác: “Chúng mày vào đây làm gì. Đây là nhà tao, chúng mày đã xin phép chưa” và tiếp tục chửi tổ công tác: “Chúng mày ra khỏi nhà tao không tao đánh chết”. Đồng chí Ch giải thích: “Việc nợ nần giữa hai bên chúng tôi không biết. Nay chúng tôi xuống làm việc với gia đình yêu cầu không được giữ chị Ph trái phép nữa”. Bà T và Th nói, bây giờ chị Ph nhận nợ là chúng tôi thả ngay không giữ nữa. T lấy một đoạn cây luồng tại nhà B cầm trên tay chửi bới, đe dọa đánh, đuổi tổ công tác ra khỏi nhà B. Tổ công tác lập biên bản vụ việc xong nhưng phía gia đình B không đồng ý ký biên bản. Sau đó tổ công tác ra về. B cùng T

thay nhau tiếp tục ngồi cùng chị Ph tại phòng khách nhà B yêu cầu chị Ph phải viết giấy nhận nợ và không cho chị Ph đi về.

Đến khoảng 16 giờ ngày 12/02/2015 ông Trần Văn L (là luật sư) cùng anh N, anh Ngô Bá V1 (là bạn anh N, chị Ph) và ông Đ đến nhà B, gặp B, T, T và một số người nhà của B. Ông Lý giải thích pháp luật việc gia đình B giữ chị Ph tại nhà là trái pháp luật và yêu cầu phía gia đình B phải để cho chị Ph về nhà nhưng gia đình B không đồng ý. T chửi và dùng ghế gỗ định đánh anh Lý thì được gia đình B can ngăn. Sau đó anh Lý, anh N, anh V1 và ông Đ ra về. Lúc sau, T nói với chị Ph ý là T cho chị Ph vay 600 triệu để trả cho B, nhưng chị Ph phải viết giấy vay nợ của T và có trách nhiệm trả cho T. Chị Ph đồng ý viết giấy biên nhận nợ theo yêu cầu của T. Lúc này B lại đi mời anh Đ1 đến chứng kiến. Do chị Ph viết nhiều lần không đúng theo ý của T nên T đã tự viết giấy với nội dung: Chị Ph vay của T 600 triệu, thế chấp nhà, hạn đến tết trả 300 triệu đồng và đến tháng 3 N 2016 trả nốt 300 triệu đồng, sau đó đưa cho chị Ph ký và anh Đ1 ký xác nhận.

Đến Khoảng 20 giờ ngày 12/2/2015 bà Nguyễn Thị S (là em gái T) đi làm về qua vào nhà B chơi. Thấy chị Ph ở nhà B, được gia đình B nói chị Ph từ sáng chưa ăn uống gì. Bà S bảo chị Ph đi cùng về nhà bà S ở gần nhà B rồi lấy sữa cho chị Ph uống. Đến khoảng 21 giờ, bà T đi đến nhà bà S đưa chị Ph quay lại nhà B để tiếp tục giải quyết việc vay nợ. Trên đường về bà T nói với chị Ph: “Mày đến mà nói với vợ chồng nó, khát đến bao giờ thì nói với vợ chồng nó và nói với ông bà Th1”, chị Ph không nói gì. Về đến nhà B, chị Ph ngồi tại phòng khách, B, T, Th tiếp tục yêu cầu chị Ph viết giấy nhận nợ. Th lấy giấy, yêu cầu chị Ph viết giấy vay nợ. Chị Ph đồng ý viết giấy vay nợ vợ chồng B, Th số tiền 600 triệu (đã trừ 50 triệu vào tiền B và chị Ph chơi phờng hội với nhau) hạn đến 30/3/2015 Âm lịch trả 300 triệu, 30/8/2015 trả 300 triệu nếu không trả thì nhà cửa thuộc về B. Lúc này có anh Đ1 (anh Đ1 được T mời đến làm chứng) anh Đ1 đã ký vào giấy là người làm chứng. Sau đó chị Ph được Ninh Đình Tr là anh trai B đi xe máy chở về nhà.

Do không đòi được tiền của chị Ph theo giấy nhận nợ, ngày 26/5/2015 Ninh Thị B cùng Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ch1, Ninh Thị H1, Phạm Thanh Ng đến nhà chị Ph bắt T sản (bàn ghế, cánh cửa, ti vi, âm ly, quạt điện, xe máy). Ngày 24/3/2016 CQĐT Công an huyện Trục Ninh đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Ninh Thị B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ch1, Ninh Thị H1, Phạm Thanh Ng về tội “Cưỡng đoạt T sản” theo điểm d khoản 2 Điều 135 BLHS N 1999. Ngày 22/9/2016 TAND huyện Trục Ninh xét xử sơ thẩm; ngày 09/12/2016 TAND tỉnh Nam Định xét xử Phc thẩm tuyên phạt Ninh Thị B 36 tháng tù, Nguyễn Thị T 33 tháng tù nhưng cho H án treo.

Sau khi bị gia đình B bắt giữ, chị Ph đã có nhiều đơn đề nghị các cơ quan pháp luật khởi tố Ninh Thị B, Nguyễn Thị T, Ninh Văn T và Phạm Văn Th về hành vi bắt giữ người trái phép.

Cơ quan điều tra Công an huyện Trục Ninh đã T2 hành điều tra thu thập chứng cứ. Đến ngày 11/02/2020 Cơ quan điều tra, công an huyện Trục Ninh mới ra quyết định khởi tố vụ án và ngày 20/3/2020 ra quyết định khởi tố bị can đối với Ninh Thị B và Nguyễn Thị T về tội “Giữ người trái phép”. Đối với Ninh Văn T và Phạm Văn Th, đã có hành vi cùng tham gia việc giữ chị Ph tại nhà, yêu cầu chị Ph phải trả tiền ép chị phải viết giấy vay mới cho chị về. Khi tổ công tác của Công an huyện Trục Ninh và Công an thị trấn Cát Thành đến làm việc yêu cầu gia đình B chấm dứt việc giữ chị Ph trái pháp luật, T không đồng ý còn chửi bới đe dọa đánh lại tổ công tác. T và Th đã có hành vi đồng phạm cùng B và T thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật. Cơ quan điều tra và VKSND huyện Trục Ninh xác định đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không xem xét, xử lý đối với T, Th về hành vi cùng B và T thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn Th1, bà Nguyễn Thị Ch1, ông Phạm Quang Th1, bà Ninh Thị V, chị Phạm Thanh Ng, chị Trần Thị Nhuyên, chị Ninh Thị H1, ông Trần Ngọc Viễn có đến nhà vợ chồng B, Th vào ngày 12/5/2015. Tuy nhiên những người này không tham gia cùng B và bà T thực hiện việc giữ chị Ph tại nhà.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2021/HS-ST ngày 22 tháng 01 N 2021 của Toà án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 123, điểm g khoản 1 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự N 1999:

Xử phạt bị cáo Ninh Thị B 09 (Ch) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 123, điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hành án.

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp tiền án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/02/2021 các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Ngày 29/01/2021 người bị hại trong vụ án Phạm Thị Ph làm đơn kháng cáo với nội dung: Trong quá trình xét xử cấp sơ thẩm xác định tội danh và mức hình phạt nhẹ không tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T. Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, không truy tố người có tội, nhưng cấp sơ thẩm không trả hồ sơ để làm rõ việc không truy tố người có tội.

Tại phiên tòa Phc thẩm: Các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T, bị hại Phạm Thị Ph giữ nguyên đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo và của bị hại hợp lệ, được xem xét theo trình tự Phc thẩm. Quá trình điều tra, truy tố ở giai đoạn sơ thẩm đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên việc cấp sơ thẩm cho các bị cáo được H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS N 1999 là không Chh xác. Ngoài ra tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo B đang mang thai, nhưng cấp sơ thẩm không cho bị cáo được H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là phụ nữ có thai” được quy định tại điểm l khoản 1 Điều 46 BLHS N 1999 là thiếu sót. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của người bị hại; sửa bản án sơ thẩm theo hướng không cho các bị cáo được H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS N 1999. Cần xem xét cho bị cáo B được H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm l khoản 1 Điều 46 BLHS N 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo Ninh Thị B từ 12 đến 15 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thị T từ 6 đến 9 tháng tù.

Luật sư Phạm Xuân Nga đã phát biểu quan điểm bào chữa cho các bị cáo và cho rằng hành vi của các bị cáo không đủ các yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật”; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Theo quan điểm của các luật sư bảo vệ quyền L cho bị hại, trong quá trình giải quyết vụ án các cơ quan T2 hành tố tụng huyện Trực Ninh, đã tặc trách bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Vì vậy tại phiên tòa Phc thẩm hôm nay, các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử Phc thẩm, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền; tiếp tục xử lý các đối tượng T, Th, H về hành vi đồng phạm với các bị cáo B, T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; ngoài ra cần phải khởi tố điều tra về hành vi “Cưỡng đoạt T sản” đối với Ninh Văn T cùng một số đối tượng khác. Kiến nghị với Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao xem xét xử lý đối với hành

vi “Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội” đối với Cơ quan và người T2 hành tố tụng huyện Trục Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T và của bị hại Phạm Thị Ph làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự Phc thẩm.

[2] Căn cứ các T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã xét xử các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T về tội “Giữ người trái pháp luật”, theo quy định tại khoản 1 Điều 123 BLHS N 1999 là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T đề nghị hủy bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận; do mâu thuẫn trong việc vay nợ từ trước giữa Ninh Thị B và chị Phạm Thị Ph, ngày 12/02/2015 Ninh Thị B và Nguyễn Thị T đã có hành vi giữ chị Phạm Thị Ph ở nhà mình trái ý muốn của chị Ph. “Trong khoảng thời gian từ 05 giờ sáng ngày 12/02/2015 đến 22 giờ cùng ngày sau khi chị Ph phải viết giấy nhận nợ mới cho về”. Mặc dù trong thời gian giữ chị Ph bản thân các bị cáo đã được tổ công tác của Công an huyện Trục Ninh và Công an thị trấn Cát Thành đến giải thích pháp luật, không cho phép gia đình bị cáo B giữ chị Ph trái phép tại nhà và yêu cầu phía gia đình bị cáo B để cho chị Ph về, nhưng bản thân bị cáo B và gia đình không đồng ý. Như vậy hành vi của các bị cáo B, T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do thân thể của chị Ph; hành vi phạm tội của các bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật”; không phụ thuộc vào việc trong thời gian giữ chị Ph, các bị cáo phải có hành vi tước đoạt hoặc hạn chế việc sử dụng điện thoại, thư tín của chị Ph như quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo. Việc cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự N 1999, là đúng người, đúng tội, không oan. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của chị Phạm Thị Ph; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với nội dung kháng cáo cấp sơ thẩm xác định tội danh và mức hình phạt nhẹ không tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Xuất phát từ việc vay nợ từ trước giữa bị cáo Ninh Thị B và chị Phạm Thị Ph, không được hai bên giải quyết dứt điểm, do vậy đã gây ra bức xúc cho bị cáo B. Tuy nhiên

hành vi giữ chị Ph trái pháp luật, với mục đích buộc chị Ph phải viết giấy nhận nợ vào ngày 12/02/2015 của các bị cáo là vi phạm pháp luật. như đã nhận định ở trên, việc cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự N 1999, là đúng người, đúng tội. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có quan điểm cho thấy việc cấp sơ thẩm cho các bị cáo được H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS N 1999 là không Chh xác; cấp sơ thẩm không cho bị cáo B được H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là phụ nữ có thai” được quy định tại điểm l khoản 1 Điều 46 BLHS N 1999, mặc dù tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo B đang mang thai là thiếu sót. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan điểm nêu trên của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Tuy nhiên xét thấy mức hình phạt 09 tháng tù giam đối với bị cáo Ninh Thị B, 03 tháng tù giam đối với bị cáo Nguyễn Thị T mà cấp sơ thẩm đã quyết định là phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Ph về nội dung này.

Đối với nội dung kháng cáo Cơ quan điều tra có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, không truy tố người có tội, nhưng cấp sơ thẩm không trả hồ sơ để làm rõ việc không truy tố người có tội. Hội đồng xét xử xét thấy; đối với Ninh Văn T và Phạm Văn Th, Ninh Văn H có hành vi ép bắt chị Ph từ UBND thị trấn Cát Thành về nhà B, Th và cùng tham gia việc giữ chị Ph tại nhà. Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh đã trả hồ sơ điều tra bổ sung 02 lần, yêu cầu VKSND huyện Trực Ninh và cơ quan điều tra Công an huyện Trực Ninh xem xét xử lý đối với T, Th, H nhưng VKSND huyện Trực Ninh không thực hiện yêu cầu điều tra bổ sung và vẫn giữ quan điểm xác định đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không xem xét, xử lý đối với T, Th, H. Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh căn cứ điều 298 BLTTHS 2015 T2 hành xét xử bị cáo B và T theo cáo trạng đã truy tố và tiếp tục kiến nghị với cơ quan điều tra và VKSND huyện Trực Ninh T2 hành điều tra xử lý Ninh Văn T, Phạm Văn Th, Ninh Văn H theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh đã làm hết trách nhiệm, theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Ph về nội dung này.

[5] Từ nhận định trên đây. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự N 2015; không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T và của bị hại Phạm Thị Ph.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm. Chị Phạm Thị Ph không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 123, điểm g khoản 1 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự N 1999: Xử phạt bị cáo Ninh Thị B 09 (Ch) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Về tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 123, điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Về tội “Giữ người trái pháp luật”.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 BLTTHS năm 2015 và Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND. CC;
- VKSND Tỉnh Nam Định;
- TA - CA - VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

Vũ Hà Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Nam Định, ngày 29 tháng 6 N 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15h. 30 Pht ngày 29 tháng 6 N 2021

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

Hội đồng xét xử Phc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hà Nam

- *Các thẩm phán:* Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Đức Cảnh

T2 hành nghị án vụ án hình sự Phc thẩm thụ lý số 36/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 03 N 2021 đối với các bị cáo:

- **Ninh Thị B**, S N: 1984. Trú tại: TDP Ph Thọ, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; đã bị Tòa án nhân dân huyện Trực ninh, tỉnh Nam

Định xử phạt về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123, điểm g khoản 1 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự N 1999 với mức hình phạt 09 (Ch) tháng tù giam.

- **Nguyễn Thị T** (Nguyễn Thị Tiếp) S N: 1955; trú tại: Tổ dân phố Nam An, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định; đã bị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123, điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự N 1999 với mức hình phạt 03 (Ba) tháng tù giam.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và T liệu đã được xem xét tại phiên tòa Phc thẩm, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự N 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T và của bị hại chị Phạm Thị Ph và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về điều luật: Căn cứ khoản 1 Điều 123, điểm g khoản 1 Điều 46, (khoản 2 Điều 46 đối với bị cáo Nguyễn Thị T); điểm e khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự N 1999.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ninh Thị B 09 (Ch) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Về tội “Giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Về tội “Giữ người trái pháp luật”.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

- Về án phí: Các bị cáo Ninh Thị B, Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự Phc thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

- Các khoản khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

Biên bản lập xong, đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Cảnh Mai Anh Tuấn

Vũ Hà Nam

